TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY- TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày 20-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hữu Sơn

Bà Nguyễn Thị Hằng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Hiển –Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Thị Thu H –Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/5/1976, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1949); chồng: Nguyễn Đình K, sinh năm 1974; con: 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2013); Tiền sự: không; Tiền án: không;

Bị tạm giữ từ ngày 20-12-2022 đến ngày 26-12-2022, hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2/Nguyễn Đức C –Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/4/1985, tại Yên Bái; Nơi ĐKHKTT: Tổ 7, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố số 2, thị trấn C, huyện TY, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1958);

vợ: Đặng Phương Ng, sinh năm 1979; con: 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền sự: không; Tiền án: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3/Hà Đức Ch –Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07/5/2002, tại Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Th (sinh năm 1979) và con bà Đinh Thị Th (sinh năm 1982); vợ: Hà Thị Thu Hương, sinh năm 2001; con: 01 con sinh năm 2021; Tiền sự: không; Tiền án: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Vũ Thị Huyền Tr, sinh năm 1992. Có mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. Anh Đinh Quốc T, sinh năm 1993. Vắng mặt

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

3. Anh Vũ Minh Th, sinh năm 1994. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Kh, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

4. Anh Phạm Quý T, sinh năm 1990. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

5. Anh Hoàng Thanh L, sinh năm 1992. Vắng mặt

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

6. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2002. Có mặt

Trú tại: Thôn Y, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

7. Bà Đoàn Thị P, sinh năm 1969. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Kh, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

8. Anh Vũ Duy H, sinh năm 2001. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Quang Vinh, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

9. Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1974. Có mặt

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Người làm chứng:

- Anh Đặng Hồng Q, sinh năm 1985. Vắng mặt

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19-12-2022, Vũ Thị Huyền Tr có đơn tố giác gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái về việc Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Đức C có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình điều tra đã xác định được:

Đối với Nguyễn Thị Thu H: Do cùng sinh sống tại xã H và biết Nguyễn Thị Thu H có cho vay tiền lấy lãi nên vào ngày 24-11-2021, Vũ Thị Huyền Tr đã đến nhà Nguyễn Thị Thu H vay tiền. Nguyễn Thị Thu H đồng ý cho Vũ Thị Huyền Tr vay số tiền 100.000.000 đồng, với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 144%/năm) và thỏa thuận cứ 10 ngày trả lãi một lần. Sau khi thỏa thuận xong, Hiền đã chuyển khoản cho Trang 96.000.000 đồng (trừ luôn 4.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày đầu tiên) bằng tài khoản số 046082750001 mang tên Nguyễn Thị Thu H đến tài khoản ngân hàng số 029445871992 mang tên Vũ Thị Huyền Tr đều mở tại Ngân hàng Bưu điện Việt Nam. Quá trình vay tiền, tính đến ngày 06-11-2021 (tổng cộng 348 ngày vay tiền), Tr đã trả lãi cho H tổng số tiền lãi là 139.200.000 đồng, trong đó trả tiền trực tiếp cho Hiền 58.400.000 đồng, còn lãi là chuyển khoản đến các số tài khoản ngân hàng của H gồm: 046082750001 và 870420531772 (mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất cao nhất là 20%/năm, như vậy lãi suất cao nhất tính theo tháng là 20%/12= 1,67%, tính theo ngày sẽ là 1,67%/30=0,055%. Đối chiếu với mức lãi suất đã cho vay thì Nguyễn Thị Thu H đã cho Vũ Thị Huyền Tr vay tiền với mức lãi suất cao hơn gấp 5 lần mức cao nhất theo quy định. Số tiền lãi suất cao nhất theo quy định là 0,055%/ngày x 100.000.000 đồng x 348 ngày = 19.140.000 đồng, số tiền H đã thu lợi bất chính là 139.200.000 đồng-19.140.000 đồng=120.060.000 đồng. Đối với số tiền gốc, Tr vẫn chưa trả cho H.

Tiến hành khám xét nơi ở của H, Cơ quan điều tra thu giữ 05 quyển sổ có ghi chép nhiều chữ số, 01 điện thoại di động Nokia. Quá trình điều tra, Hiền khai nhận trong các quyển sổ đã thu giữ có ghi chép liên quan việc Hiền cho 74 người vay tiền với lãi suất từ 3% đến 5%/tháng hoặc không tính lãi trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2022. Căn cứ lời khai của Hiền và danh sách những người có tên trong sổ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh được 37/74 người, kết quả

phù hợp với lời khai của H. Những người còn lại không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thu H thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Đối với Nguyễn Đức C: Từ cuối năm 2021, Nguyễn Đức C đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao hơn gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật để thu lời bất chính. Khi cho vay tiền, C là người quyết định việc cho vay, mức lãi suất theo thỏa thuận nhưng chỉ được thể hiện bằng lời nói, không ghi trong giấy vay tiền. C yêu cầu người vay trả tiền lãi theo tháng, mỗi tháng tính 30 ngày. Để thuận tiện cho việc vay tiền, Nguyễn Đức C đã thuê Hà Đức Ch làm thuê cho mình và trả lương hàng tháng với các nhiệm vụ là trông coi quán cầm đồ, giới thiệu khách vay tiền khi có nhu cầu và thu tiền lãi các khoản vay. Hà Đức C làm thuê cho Nguyễn Đức C đến hết tháng 6 năm 2022 thì nghỉ làm. Nguyễn Đức C tiếp tục thuê Đặng Hồng Q để thu tiền lãi của người vay thay cho Ch.

Do có mối quan hệ quen biết với Hà Đức Ch nên Vũ Thị Huyền Tr đã nhờ Ch cung cấp cho số điện thoại của Nguyễn Đức C, Tr gọi điện hỏi vay tiền C và được C đồng ý. Ngày 08-12-2021, C đến quán của Tr đọc cho Tr viết giấy vay tiền với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, (tương đương 180%/năm, cao gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định). Như vậy mỗi tháng Tr phải trả cho C số tiền lãi là 4.500.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ 08-12-2021 đến ngày 07-6-2022, Vũ Thị Huyền Tr đã trả cho Nguyễn Đức C 06 tháng tiền lãi, với tổng số 27.000.000 đồng (trong đó Tr trả cho C 01 lần là 4.500.000 đồng, còn lại là trả cho Ch). Tr đã trả được 15.000.000 đồng tiền gốc cho C thông qua Ch và còn nợ lại 15.000.000 đồng tiền gốc.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 3.006.000 đồng, số tiền C đã thu lợi bất chính là 23.994.000 đồng.

Kể từ ngày 08-6-2022 đến ngày 07-11-2022, đối với số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, vẫn giữ nguyên lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, Tr đã trả được 05 tháng tiền lãi với tổng số là 11.250.000 đồng (trong đó Ch thu hộ C tiền lãi tháng 11, còn lại là Q thu). Đối với số tiền gốc 15.000.000 đồng, Tr vẫn chưa trả cho C.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 1.252.500 đồng, số tiền Chung đã thu lợi bất chính là 9.997.500 đồng. Q thu tiền lãi của Tr 04 tháng là 9.000.000 đồng, Q đã giúp C thu lợi bất chính số tiền 7.998.000 đồng

Như vậy tổng số tiền Chung đã thu lợi bất chính từ Trang là 33.991.500 đồng.

Ngoài ra, căn cứ lời khai của Hà Đức Ch, Nguyễn Đức C, Đặng Hồng Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nội dung tin nhắn giữa Hà Đức Ch và Nguyễn Đức C xác định được: Từ năm 2021 đến năm 2022, thông qua sự giới thiệu của Hà Đức Ch, Nguyễn Đức C đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao hơn gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Họ và tên: Đinh Quốc T, sinh năm 1993, trú tại Thôn K, xã H, huyện TY.

Vay số tiền 15.000.000 đồng từ ngày 24-12-2021, với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 12%/tháng, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tính đến ngày đến ngày 23-11-2022, anh Đinh Quốc T đã trả cho Nguyễn Đức C 11 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 1.800.000 đồng, tổng cộng là 19.800.000 đồng (Trong đó Ch thu hộ C 06 tháng, Q thu hộ C 05 tháng). Đối với số tiền gốc, Tvẫn chưa trả cho C.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.755.500 đồng, số tiền C thu lời bất chính là 17.044.500 đồng. Q đã thu tiền từ T 05 lần được tổng số tiền 9.000.000 đồng, như vậy Q đã giúp C thu lợi bất chính số tiền 7.747.500 đồng.

2. Họ và tên: Vũ Minh Th, sinh năm 1994, trú tại Thôn Kh, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Vay số tiền 8.000.000 đồng từ ngày 22-8-2021 với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 12%/tháng, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tính đến ngày 21-12-2022, Vũ Minh Th đã trả cho C 16 tháng tiền lãi, mỗi tháng 960.000 đồng, tổng cộng là 15.360.000 đồng (trong đó Chiến thu hộ 10 lần, còn lại 06 lần là Q thu). Đối với số tiền gốc, Th chưa trả cho C.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 2.137.600 đồng, số tiền Chung đã thu lợi bất chính là 13.222.400 đồng

Q đã thu tiền từ Th 06 lần được tổng số tiền 5.760.000 đồng, như vậy Q đã giúp C thu lợi bất chính số tiền 4.958.400 đồng

3. Họ và tên: Phạm Quý T, sinh năm 1994, trú tại Thôn Đ, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Vay số tiền 8.000.000 đồng từ tháng 10-2021 với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 09%/tháng, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tính đến tháng 12-2022, T đã trả cho C 14 tháng tiền lãi, mỗi tháng 720.000 đồng, tổng cộng là 10.080.000 đồng (trong đó C thu hộ 08 lần, còn lại 06 lần Q thu). Đối với số tiền gốc, T chưa trả cho C.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 1.870.400 đồng, số tiền Chung đã thu lợi bất chính là 8.209.600 đồng

Q đã thu tiền lãi từ T 06 lần được tổng số tiền 4.320.000 đồng, như vậy Q đã giúp C thu lợi bất chính số tiền 3.518.400 đồng

4. Họ và tên: Hoàng Thanh L, sinh năm 1992, trú tại Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Vay số tiền 10.000.000 đồng từ ngày tháng 3-2022 với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 12%/tháng, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tính đến tháng 6-2022, L đã trả cho Ch 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng 1.200.000 đồng, tổng cộng là 3.600.000 đồng (đều do Ch thu hộ). Đối với số tiền gốc, L đã trả cho C.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 501.000 đồng, số tiền C đã thu lợi bất chính là 3.099.000 đồng

5. Họ và tên: Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2002, trú tại Thôn Y, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Vay số tiền 5.000.000 đồng từ tháng 01-2022 với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 12%/tháng, gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tính đến tháng 4-2022, Đ đã trả cho C 03 tháng tiền lãi, mỗi tháng 600.000 đồng, tổng cộng là 1.800.000 đồng (đều do Chiến thu). Đối với số tiền gốc, Đ đã trả cho C.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 250.500 đồng, số tiền C đã thu lợi bất chính là 1.549.500 đồng.

6. Họ và tên: Đoàn Thị P, sinh năm 1969, trú tại Thôn Kh, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Vay số tiền 10.000.000 đồng từ tháng 01-2022 với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 15%/tháng, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định). Tính đến tháng 5-2022, Ph đã trả cho C 04 tháng tiền lãi, mỗi tháng 1.500.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng (đều do Chthu). Đối với số tiền gốc, Ph đã trả cho C.

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 668.000 đồng, số tiền C đã thu lợi bất chính là 5.332.000 đồng.

7. Họ và tên: Vũ Duy H, sinh năm 2001, trú tại thôn Quang Vinh, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Vay số tiền 20.000.000 đồng từ tháng 04-2022 với mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 15%/tháng, gấp 09 lần mức lãi suất cao

nhất theo quy định). Sau 05 ngày vay tiền, H đã trả hết tiền gốc cho C và trả tiền lãi trong 05 ngày là 500.000 đồng (đều do Ch thu).

Số tiền lãi cao nhất theo quy định là 55.000 đồng, số tiền Chung đã thu lợi bất chính là 445.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Đức C cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ trên vay là 106.000.000 đồng; số tiền gốc đã thu về là 60.000.000 đồng, tổng số tiền gốc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn nợ là 46.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Nguyễn Đức C thu được là 96.390.000 đồng; tổng số tiền lãi cao nhất theo quy định là 13.496.500 đồng; tổng số tiền Nguyễn Đức C thu lợi bất chính là 82.893.500 đồng.

Ngoài 08 trường hợp nêu trên, Nguyễn Đức C còn cho nhiều người khác vay tiền không tính lãi hoặc lúc đầu có thỏa thuận tính lãi nhưng sau đó Nguyễn Đức C không tính lãi và một số người không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa đề cập xử lý.

Đối chiếu lời khai của Hà Đức Ch và nội dung tin nhắn giữa Chiến với Chung, Cơ quan điều tra xác định được Chung cho 05 người khác có tên, tuổi, địa chỉ rõ ràng vay tiền và có tính lãi gồm có: Ngô Văn Th, Nguyễn Công Đ, Hoàng Thanh L, Hà Đình K, Phạm Thị Th. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng những người này không có mặt tại địa phương nên chưa đủ căn cứ xác định rõ việc Chung và Chiến cho vay tiền và thu lợi bất chính như thế nào.

Tại Cơ quan điều tra, Hà Đức Ch và Phạm Hồng Q khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Đức C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo đó, toàn bộ 08 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay lãi nặng đều qua sự giới thiệu của Hà Đức Ch, Nguyễn Đức C là người quyết định cho vay tiền và quyết định mức lãi suất; Hà Đức Ch làm thuê và thu tiền gốc, lãi giúp Chung đến hết tháng 6 năm 2022 thì nghỉ; Đặng Hồng Q giúp C thu tiền lãi của những người vay từ tháng 7 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 với tổng số tiền 28.080.000 đồng, giúp Chung thu lợi bất chính số tiền 24.212.300 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) đều chưa nộp bất cứ một khoản tiền nào.

Bị cáo Nguyễn Đức C đã nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 13.500.000 đồng theo Biên lai số AA/2021/0001274 ngày 19-6-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY

Cáo trạng số 13/CT-VKSTY ngày 19-5-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã truy tố Nguyễn Thị Thu H về tội "Cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Đức C và Hà Đức Ch về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức C, Hà Đức Ch phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Đức Ch từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín tháng) cải tạo không giam giữ và 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án.

Phạt 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

* Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Truy thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Nguyễn Thị Thu H đã thu được của Vũ Thị Huyền Tr là 19.140.000 đồng.

Buộc Nguyễn Thị Thu H phải trả lại cho Vũ Thị Huyền Tr số tiền đã thu lời bất chính là 120.060.000 đồng.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước từ Nguyễn Đức C số tiền gốc những người vay đã trả cho Nguyễn Đức C là 60.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Nguyễn Đức C đã thu được của những người vay là 13.496.500 đồng, được khấu trừ số tiền 13.500.000 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước từ những người vay số tiền gốc đã vay của các bị cáo, cụ thể: Vũ Thị Huyền Tr 115.000.000 đồng, Đinh Quốc T 15.000.000 đồng, Vũ Minh Th 8.000.000 đồng, Phạm Quý T 8.000.000 đồng

Buộc Nguyễn Đức C phải trả lại cho những người vay số tiền đã thu lời bất chính, cụ thể như sau: Vũ Thị Huyền Tr 33.991.500 đồng, Vũ Minh Th 13.222.400 đồng, Phạm Quý T 8.209.600 đồng.

Đối với Đinh Quốc T, Hoàng Thanh L, Nguyễn Minh Đ, Đoàn Thị P, Vũ Duy H đều không yêu cầu Nguyễn Đức C phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính nên không đề cập.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màn hình cảm ứng bị vỡ, đã qua sử dụng của Hà Đức Ch.

Trả lại cho Nguyễn Thị Thu H 05 quyển sổ, có ghi nhiều chữ số và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA đã cũ, màn hình bị vỡ.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thùng bìa cát tông đã mở niêm phong và 05 (năm) quyển sổ có ghi nhiều chữ, số.

Tại phiên toà:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, không tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Chung đề nghị được áp dụng hình phạt tiền.

Vũ Thị Huyền Tr, Nguyễn Minh Đ đều xác nhận có vay các khoản tiền của Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức C với lãi suất thoả thuận như Cáo trạng đã truy tố; Vũ Thị Huyền Tr đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết số tiền Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức C thu lợi bất chính theo quy định của pháp luật, ngoài ra còn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hà Đức Ch; Nguyễn Minh Đ không đề nghị được nhận lại số tiền Nguyễn Đức C đã thu lợi bất chính.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Cơ quan điều tra Công an huyện TY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cũng như tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 24-11-2021, Nguyễn Thị Thu H đã cho Vũ Thị Huyền Tr vay số tiền 100.000.000 đồng, với mức lãi suất 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 144%/năm, cao gấp 7,2 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và đã thu được tổng số tiền lãi là 139.200.000 đồng, trong đó sồ tiền lãi cao nhất theo quy định là 19.140.000 đồng, số tiền Hiền đã thu lợi bất chính là 120.060.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2022, Nguyễn Đức C đã sử dụng tổng số tiền gốc là 106.000.000 đồng cho 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như đã trình bày ở trên vay tiền với mức lãi suất từ 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (gấp 5,4 lần đến 09 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định) và thu lợi bất chính 82.893.500 đồng. Để thuận lợi cho việc cho vay lãi nặng, Chung đã thuê Hà Đức Ch trông coi quán cầm đồ và khi ai có nhu cầu vay tiền thì giới thiệu cho C, thu tiền lãi giúp C. Sau khi Hà Đức Ch nghỉ việc vào tháng 6 năm 2022 thì C tiếp tục thuê Đặng Hồng Q thu tiền lãi giúp C. Đặng Hồng Q đã thu lợi bất chính giúp C là 24.212.300 đồng, số tiền Hà Đức Ch đã giúp C thu lợi bất chính là 58.681.200 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức C đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Hà Đức Ch đã giới thiệu người vay tiền cho Nguyễn Đức C và còn giúp Chung thu lợi bất chính số tiền 58.681.200 đồng đồng nên Hà Đức Ch đồng phạm với Nguyễn Đức C về tội **"**Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn cấp bách của người đi vay để cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Mặc dù nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng do mục đích vụ lợi cá nhân các bị cáo vẫn cố tình thực hiện nên cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét vai trò đồng phạm giữa Nguyễn Đức C và Hà Đức Ch: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, Nguyễn Đức C là người cho vay tiền, quyết định lãi suất và sử dụng tiền của bản thân để cho vay tiền nên vai trò của Chung là người thực hành; Hà Đức Ch là người được Nguyễn Đức C thuê, làm việc theo sự chỉ đạo của Chung và được trả lương theo tháng nên vài trò của Chiến là người giúp sức.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo là người không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chưa từng phạm tội. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức C đã tự nguyện nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 13.500.000 đồng, điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử cũng xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị Huyền Tr đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Chiến, tuy nhiên đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Hình phạt chính:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H có nhân thân tốt, có nơi cứ trú rõ ràng lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng có thể cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức C, bị cáo C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình chính là phạt tiền và cam kết sẽ thi hành nghiêm nếu được Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính

đối với bị cáo. Tuy nhiên, số tiền C đã thu lợi chính là rất lớn theo khung hình phạt, mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cần phải áp dụng hình phạt tiền ở mức cao để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng, chống tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo Hà Đức Ch, biết hành vi của Nguyễn Đức C là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vẫn tích cực giúp sức cho bị cáo C. Xét thấy, hiện nay bị cáo đã có vợ nhưng vẫn sống cùng bố mẹ, do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình để giám sát, giáo dục, đồng thời khấu trừ thu nhập 10%/tháng đối với bị cáo.

[6.2] Hình phạt bổ sung:

Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H và bị cáo Hà Đức Ch để tăng thêm tính răn đe, giáo dục các bị cáo; bị cáo Nguyễn Đức C đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nữa.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản và biện pháp tư pháp:

- Truy thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức C sử dụng để cho vay, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Đối với khoản tiền gốc người vay đã trả thì buộc bị cáo phải nộp lại, đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả thì buộc những người vay phải nộp lại, cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Đức C 60.000.000 đồng; Vũ Thị Huyền Tr 115.000.000 đồng (100.000.000 đồng vay của H, 15.000.000 đồng vay của Ch); Đinh Quốc T 15.000.000 đồng; Phạm Quý T 8.000.000 đồng; Vũ Minh Th 8.000.000 đồng.

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền lãi các bị cáo đã thu được của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Hiền 19.140.000 đồng; Nguyễn Đức C 13.496.500 đồng.

Bị cáo Nguyễn Đức C đã nộp lại được số tiền 13.500.000 đồng nên cần được khấu trừ vào số tiền phải thi hành.

- Đối với khoản tiền thu lợi bất chính: Cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H trả lại cho Vũ Thị Huyền Tr 120.060.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải trả lại cho những người vay số tiền như sau: Vũ Thị Huyền Tr 33.991.500 đồng, Vũ Minh Th 4.958.400 đồng, Phạm Quý T 8.209.600 đồng; Đoàn Thị P, Đinh Quốc T, Hoàng Thanh L, Vũ Duy H, Nguyễn Minh Đ đều không yêu cầu Nguyễn Đức C phải trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Đối với 05 quyển sổ có nhiều chữ, số, bị cáo Nguyễn Thị Thu H không đề nghị được nhận lại do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

Đối với 01 chiếc điện thoại IPHONE, bị cáo Chiến sử dụng để liên lạc, trao đổi với bị cáo Nguyễn Đức C các nội dung liên quan đến hoạt động vay lãi nặng nên cần tích thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 hộp bìa cát tông đã bóc mở, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Đình K là chồng của Nguyễn Thị Thu H: Trước khi cho Vũ Thị Huyền Tr vay tiền Hiền đã hỏi ý kiến của Khánh và được Khánh đồng ý, ngoài ra còn đến nhà Trang đòi tiền Trang nhưng Khánh không biết nội dung thỏa thuận giữa Hiền với Trang như thế nào, do đó Cơ quan điều tra không xử lý Nguyễn Đình K đồng phạm với Nguyễn Thị Thu H là phù hợp.

Đối với Đặng Hồng Q, chỉ giúp sức cho Nguyễn Đức C thu lợi bất chính số tiền 24.212.300 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xử lý Đặng Hồng Q đồng phạm với Nguyễn Đức C là phù hợp.

Đối với tiền trả lương cho Q và Ch hàng tháng, C không sử dụng tiền từ hoạt động cho vay lãi nặng để trả cho Q và Ch nên không buộc Q và Chphải nộp lại số tiền này.

Đối với những người khác vay tiền của Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Đức C: Nhiều trường hợp xác minh được nhân thân, lai lịch đều xác nhận có vay tiền của H hoặc C nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hoặc lúc đầu có thỏa thuận tính lãi suất cao nhưng sau đó lại không tính lãi nên không đề cập xử lý là phù hợp; nhiều trường hợp không xác minh được nhân thân lai lịch hoặc xác định được nhân thân lai lịch nhưng không có mặt tại địa phương nên không lấy được lời khai, do đó chưa có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Đức C, Hà Đức Ch phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20-6-2023.

Phạt bị cáo 70.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức C 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Đức Ch 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian chấp hành án. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Phạt bị cáo 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Truy thu nộp ngân sách nhà nước từ các bị cáo số tiền sau: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H 19.140.000 đồng (Mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Đức C 73.496.500 đồng (Bảy mươi ba triệu bốn trăm chín mươi sau nghìn năm trăm đồng), được trừ số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm

nghìn đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước), còn phải thi hành số tiền 59.996.500 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Truy thu nộp ngân sách nhà nước từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền cụ thể như sau: Vũ Thị Huyền Tr 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), Đinh Quốc T 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); Phạm Quý T 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); Vũ Minh Th 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H trả lại cho Vũ Thị Huyền Tr số tiền 120.060.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng); buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải trả lại cho những người vay số tiền như sau: Vũ Thị Huyền Tr 33.991.500 đồng (Ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi mốt triệu năm trăm đồng, Vũ Minh Th 13.222.400 đồng (Mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng), Phạm Quý T 8.209.600 đồng (Tám triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thùng bìa cát tông và 05 (năm) quyển sổ có ghi nhiều chữ, số.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H 01 (một) chiếc điện thoại Nokia màu đen, đã cũ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại IPHONE đã cũ, màn hình bị vỡ thu giữ của Hà Đức Ch.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với những người có mặt); trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án

hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật (Đối với những người vắng mặt).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Công an huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Phú Duy